

Số: 04-3/QĐ-NTĐ-TV

Quận 8, ngày 03 tháng 01 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 của trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG THPT CHUYÊN NĂNG KHIẾU TDTT NGUYỄN THỊ ĐỊNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ các Quyết định của Sở Giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của bộ phận Kế toán;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách 6 tháng cuối năm 2022 của Trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định (Theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán tổ chức thực hiện Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;
- Kế toán (Nghĩa);
- CB, GV, NV trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định;
- Lưu: VT, TV.



Lê Quang Ninh

DANH GIỚI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 04-3/QĐ-NTD-TV ngày 03/01/2023 của

Hiệu trưởng trường THPT chuyên năng khiếu TDTT Nguyễn Thị Định)

(Dùng cho đơn vị dự định ngân sách)

Dvt: Triệu đ

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng cuối	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
2.1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	49.932	34.890	69,88%	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.395	6.730		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	17.913	6.730		
	- Chi từ ngân sách thành phố	482	0		
	- 10% tiết kiệm thực hiện CCTL	31.537	28.160	89,29%	
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	- Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	1.028	458	44,55%	
	- Phụ cấp thâm niên nhà giáo	329	257	78,12%	
	- Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	65	65	100%	
	- Kinh phí sinh hoạt hè	489	485	99,18%	
	- Kinh phí sửa chữa	34	34	100%	
	- Kinh phí miễn giảm học phí	495	490	98,99%	
	- Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND	640	640	100%	
	- Kinh phí hỗ trợ học phí theo Nghị quyết số 29/2021/NQ-HĐND	21.223	20.406	96,15%	
	- Kinh phí ngoài định mức-trường chuyên	7.234	5.325	73,61%	
	- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND				
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
	Chi bảo đảm xã hội				
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				



TT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện 6 tháng cuối	So sánh (%)
5	Chi hoạt động kinh tế			
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
3	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
0.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
0.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
11	Chi Chương trình mục tiêu			
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
2	Chi Chương trình mục tiêu			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)			

